

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2017
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Thắng.

Bà Phạm Thị Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà La Thị Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mộng T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn M, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 20/2/2017 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tấn M kết hôn vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/10/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến

năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng sống không còn tình cảm và cũng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với anh M. Chị không yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/1997. Hiện cháu K đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp cho Tòa án gồm có: Trích lục kết hôn của chị T và anh M (bản sao), Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Minh K (bản sao).

Bị đơn anh Nguyễn Tấn M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mộng T đối với anh Nguyễn Tấn M. Về con chung hiện tại cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/1997 đã trưởng thành nên không xét đến. Tài sản chung: không có. Nợ chung: không có. Về án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tấn M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh bị đơn anh M có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa chỉ ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị Lê Thị Mộng T và anh Nguyễn Tấn M tự nguyện kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/1996 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M, yêu cầu của chị T được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị T xác định đã không còn tình cảm với anh M nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh M đã vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh M đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Đồng thời, theo xác minh tại địa phương thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M có nhiều mâu thuẫn, chị T và anh M thường hay cãi nhau. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Hơn nữa anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay dù có cố gắng nhưng vợ chồng vẫn không thể tiếp tục đoàn tụ. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mộng T đối với anh Nguyễn Tấn M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/1997. Hiện tại cháu K đã trưởng thành nên Tòa án không xét đến.

[3.2] Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không xét đến.

[3.3] Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét đến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T phải nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn M.

Quan hệ hôn nhân của chị T và anh M chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/1997. Hiện tại cháu K đã trưởng thành nên Tòa án không xét đến.

3. Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Mộng T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009859 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị Mộng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tấn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

,

,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phan Thanh Tòng